



fēi jīn shǔ

非金属

noun · nonmetal (chemistry)

Example Sentences

yǎng qì shì yī zhǒng fēi jīn shǔ
氧气是一种非金属。

Oxygen is a nonmetal.

zài huà xué kè shàng wǒ men xué xí le jīn shǔ hé fēi jīn shǔ de qū bié
在化学课上，我们学习了金属和非金属的区别。

In chemistry class, we learned the difference between metals and nonmetals.

Trace each character, then write the word on your own.

非	非	非	非	非	非	非	非	非	非	非
金	金	金	金	金	金	金	金	金	金	金
属	属	属	属	属	属	属	属	属	属	属
属	属	属	属							